

Số: 238/2024/QĐST- HNGĐ B, ngày 25 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 405/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa:

\* *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị N, sinh năm 1999

Địa chỉ: Xóm H, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

\* *Bị đơn*: Anh Trần Văn T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17/12/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trần Anh T1, sinh ngày 28/11/2021.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trần Thị N số tiền là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng từ ngày 12/01/2025.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trần Thị N và anh Trần Văn T không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị N chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002230 ngày 17/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang. Xác nhận chị N đã nộp đủ 300.000 đồng.

3. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và đến hạn thực hiện việc cấp dưỡng như hai bên thỏa thuận, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- CCTHADS TP Bắc Giang;
- VKS TP Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Song Mai, thành phố Bắc Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Phương Thảo**